

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 03 - 2024

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Văn

Ông Trần Phi Hùng

- **Thư ký Phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Võ Kim N, sinh năm 2005; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

- **Bị đơn:** Anh Tiêu Thành N1, sinh năm 1993; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

- Trình bày của chị N:

Về hôn nhân: Chị N và anh N1 sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị N xác định không có.

Về tài sản chung: Chị N xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc lắc 6 chỉ vàng 18k và 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, hiện vợ chồng đã thỏa thuận xong mỗi người nhận 01 phần nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N xác định không có.

- Trình bày của anh N1:

Về hôn nhân: Anh N1 và chị N sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn hạnh phúc nên anh N1 đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh N1 xác định không có.

Về tài sản chung: Anh N1 xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 chiếc lắc 6 chỉ vàng 18k và 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, hiện vợ chồng đã thỏa thuận xong mỗi người nhận 01 phần nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh N1 xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của bà Trương Võ Kim N2 về việc xin ly hôn với ông Tiêu Thành N1 thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh N1 là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại khóm A, TT T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, chị N và anh N1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh N1 theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh N1 xác định tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào ngày 10/01/2023, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn hạnh phúc nên chị N và anh N1 đều yêu cầu chấm dứt hôn nhân với nhau.

Nhận thấy, theo quy định tại Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình trong trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, khi có yêu cầu ly hôn, chấm dứt hôn nhân thì Tòa án thụ lý, giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Như vậy, trường hợp của chị N và anh N1 sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, đã có yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết tuyên bố về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh N1.

[4] Về con chung: Chị N và anh N1 xác định không có.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh N1 xác định hiện vợ chồng đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N và anh N1 xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị N nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Võ Kim N2 và ông Tiêu Thành N1.

Về con chung: Chị N và anh N1 đều xác định không có.

Về tài sản chung: Chị N và anh N1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị N và anh N1 đều xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Chị N phải nộp 300.000 đồng. Vào ngày 17/01/2024, chị N đã dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0015943 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ chuyển thu ngân sách nhà nước.

Chị N và anh N1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; án văn.

Diệp Chí Nguyễn